



# Cambridge IGCSE™

---

**FIRST LANGUAGE VIETNAMESE**

**0695/01**

Paper 1 Reading and Directed Writing

**For examination from 2025**

MARK SCHEME

Maximum Mark: 50

---

**Specimen**

---

This document has **10** pages. Any blank pages are indicated.

**Generic Marking Principles**

These general marking principles must be applied by all examiners when marking candidate answers. They should be applied alongside the specific content of the mark scheme or generic level descriptions for a question. Each question paper and mark scheme will also comply with these marking principles.

**GENERIC MARKING PRINCIPLE 1:**

Marks must be awarded in line with:

- the specific content of the mark scheme or the generic level descriptions for the question
- the specific skills defined in the mark scheme or in the generic level descriptions for the question
- the standard of response required by a candidate as exemplified by the standardisation scripts.

**GENERIC MARKING PRINCIPLE 2:**

Marks awarded are always **whole marks** (not half marks, or other fractions).

**GENERIC MARKING PRINCIPLE 3:**

Marks must be awarded **positively**:

- marks are awarded for correct/valid answers, as defined in the mark scheme. However, credit is given for valid answers which go beyond the scope of the syllabus and mark scheme, referring to your Team Leader as appropriate
- marks are awarded when candidates clearly demonstrate what they know and can do
- marks are not deducted for errors
- marks are not deducted for omissions
- answers should only be judged on the quality of spelling, punctuation and grammar when these features are specifically assessed by the question as indicated by the mark scheme. The meaning, however, should be unambiguous.

**GENERIC MARKING PRINCIPLE 4:**

Rules must be applied consistently, e.g. in situations where candidates have not followed instructions or in the application of generic level descriptions.

**GENERIC MARKING PRINCIPLE 5:**

Marks should be awarded using the full range of marks defined in the mark scheme for the question (however; the use of the full mark range may be limited according to the quality of the candidate responses seen).

**GENERIC MARKING PRINCIPLE 6:**

Marks awarded are based solely on the requirements as defined in the mark scheme. Marks should not be awarded with grade thresholds or grade descriptions in mind.

**Section A**

Candidates will be assessed on the following assessment objectives:

**AO1 Reading**

**R1** demonstrate understanding of explicit meaning

**R2** demonstrate understanding of implicit meaning and attitude. }

**R4** demonstrate understanding of how writers achieve effects and influence readers.

[16 marks]

[9 marks]

Question	Answer	Marks
1(a)	<b>Nhân vật “em” và Sói có chung điểm gì ở đầu truyện? Dòng 2–3.</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>cả hai đều không ngủ được</li> </ul>	1
1(b)	<b>Tại sao “em” cảm thấy sợ?</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>thay đổi (xáo trộn) trong cuộc sống/ cảm thấy lạc lõng trong chính nhà mình/ cảm thấy bơ vơ</li> </ul>	1
1(c)	<b>Mô tả khoảng thời gian nhân vật em ở với cha. Nêu <u>hai</u> ý.</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>ngắn/chóng vánh</li> <li>vào mùa hè</li> </ul>	2
1(d)	<b>Mô tả thái độ của Sói khi người cha mua cháo gà cho Sói.</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>ngạc nhiên/thất vọng/sốc/buồn</li> </ul>	1
1(e)	<b>Vì sao Sói im lặng giả vờ ngủ khi người cha xuống ga tàu?</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>không muốn xuống sân ga cùng cha/ muốn ở một mình</li> </ul>	1
1(f)	<b>Sói đi rửa mặt để làm gì?</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>để che giấu nước mắt (và cảm xúc)/che giấu việc mình khóc</li> </ul>	1
1(g)	<b>Sau khi tắm xong, Sói không muốn quay trở lại tàu. <u>Hai</u> hành động nào của Sói chứng minh điều này? Dòng 31–34.</b>  Hai trong các đáp án sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>đi dọc các quán hàng trên sân ga</li> <li>dừng lại quan sát một gia đình đang ăn</li> <li>quay khỏi phía con tàu/sân ga (bỏ đi và biến mất vào dòng người)</li> </ul>	2
1(h)	<b>Mô tả cảm xúc <u>và</u> phản ứng của người cha khi biết Sói không có ở trên tàu.</b>  <b>Cảm xúc:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>hoảng sợ/sợ hãi/hoảng hốt</li> </ul> <b>Phản ứng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>tuyệt vọng tìm Sói giữa dòng người đông đúc</li> </ul>	2

Question	Answer	Marks
1(i)	<p><b>Theo luồng tượng của nhân vật em, <u>hai</u> lý do khiến Sói quyết định xuống ga và bỏ đi là gì?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>không muốn là một người xa lạ ở nhà (về nhà bị chó sủa vì không nhận ra Sói)</li> <li>không muốn trở nên thừa thãi và vô dụng (không biết đồ lót của cha ở đâu trong khi những người tình của cha biết)</li> </ul>	2
1(j)	<p><b>Điều gì trong toàn bộ bài đọc cho thấy nhân vật em biết người cha sẽ không tìm được Sói? Nêu <u>ba</u> lý do.</b></p> <p>Ba trong các đáp án sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Em đã quan sát Sói và người cha trên suốt chuyến tàu và hiểu rằng họ có mối quan hệ không tốt (không gắn bó)</li> <li>Em biết Sói có hoàn cảnh sống giống em, và cảm xúc lạc lõng, bị bỏ rơi</li> <li>Em hiểu rằng Sói và cha không hiểu nhau, không gắn bó và không dành thời gian bên nhau</li> <li>Em nhìn thấy Sói quyết định đi khỏi sân ga khi không có mặt người cha</li> </ul>	3

Question	Answer	Marks
2(a)	<p><b>Với cụm từ “vẫn còn hai cái hố sâu thăm biền biệt”, tác giả muốn diễn tả gì về Sói? (Dòng 2)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Đôi mắt Sói tối và sâu trong bóng đêm/ Sói thao thức không ngủ dù rất mệt/ thể hiện tâm trạng bất ổn (hoặc lo lắng) của Sói</li> </ul>	1
2(b)	<p><b>Tác giả muốn diễn đạt điều gì bằng cách sử dụng câu “Và cái đèn ngủ màu đỏ của em mẹ đã thay bằng thứ ánh sáng xanh tái”? (Dòng 4–5)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thể hiện mẹ không hiểu hoặc tôn trọng (sở thích của) em/mẹ và em không có mối quan hệ tốt</li> </ul>	1
2(c)	<p><b>Qua câu “Thằng Sói đã ngủ, nằm co như dấu hỏi, như con tôm luộc chơ vơ trên cái đĩa lớn”, tác giả muốn đạt dụng ý nghệ thuật gì? (Dòng 20)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>gợi hình ảnh Sói cô độc và yếu đuối/tạo cảm giác Sói cần có sự bảo vệ/ sử dụng hình ảnh “dấu hỏi” để tạo hiệu ứng hình ảnh về sự bất trắc (bất ổn)</li> </ul>	1
2(d)	<p><b>“Hành khách tuân xuống và đùn lại những hàng dài trước cửa những phòng tắm.” Tác giả muốn cho người đọc thấy điều gì qua câu này? (Dòng 28–29)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Rất đông hành khách đang nóng lòng/hành khách mong mỗi chờ lượt tắm của mình sau một chuyến tàu dài/ tàu đông đúc nên hành khách muốn xuống tàu để nghỉ ngơi</li> </ul>	1
2(e)	<p><b>Tác giả muốn ám chỉ điều gì qua câu “Em vẫn thường xem cảnh chen chúc tắm tấp nập như trò ảo thuật, người ta nhào nhĩ bước vào và tươi mới, phấn khởi khi trở ra”? Nêu <u>hai</u> ý. (Dòng 31–32)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>với em, cảnh mọi người đi tắm như một điều kỳ diệu/gợi trí tưởng tượng và tò mò</li> <li>sự thay đổi thần sắc và tâm trạng của mọi người sau khi tắm</li> </ul>	2

Question	Answer	Marks
2(f)	<p><b>Cách sử dụng ngôn ngữ ở đoạn 6 gợi tả cảm giác về nỗi buồn như thế nào? Phân tích <u>ba</u> ví dụ.</b></p> <p>Bất cứ ba trong số các ví dụ sau đều được tính điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• “sợ bỏ lỡ những bình minh”: sợ đánh mất điều tốt đẹp (sợ mất thời gian được ở một mình)</li><li>• “vĩnh viễn làm mất ngày hôm qua”: tạo cảm giác băng khuâng nuối tiếc</li><li>• “không có cách gì giữ lại ngày mới”: tạo cảm giác về sự tuyệt vọng và bất lực</li><li>• “ứa nước mắt ra”: không thể kìm nén nỗi buồn</li><li>• “bánh xe sắt nghiền vào đường ray buốt nhưc”: thiên nhiên cũng như hòa vào cảm xúc buồn bã của Em và Sói</li></ul>	<b>3</b>

**Section B**

Candidates will be assessed on the following assessment objectives:

**AO1 Reading (15 marks)**

**R3** analyse, evaluate and develop facts, ideas and opinions, using appropriate support from the text  
**R5** select and use information for specific purposes.

**AO2 Writing (10 marks)**

**W1** articulate experience and express what is thought, felt and imagined  
**W2** organise and structure ideas and opinions for deliberate effect  
**W3** use a range of vocabulary and sentence structures appropriate to context  
**W4** use register appropriate to context  
**W5** make accurate use of spelling, punctuation and grammar.

Question	Answer	Marks
3	<p><b>Viết một bài báo tham luận đăng tạp chí cho độc giả trẻ để khuyến khích họ hành động bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động hàng ngày và các đề xuất chính sách.</b></p> <p><b>Trong bài báo, thí sinh cần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>đánh giá những khó khăn trong việc bảo vệ môi trường ở mức độ cá nhân và cộng đồng, dựa vào nội dung hai bài đọc</b></li> <li>• <b>đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường tối ưu ở mức độ cá nhân và cộng đồng, dựa vào nội dung hai bài đọc.</b></li> </ul> <p><b>Chỉ sử dụng thông tin trong Bài đọc B và C cho bài viết.</b> <b>Sử dụng ngôn ngữ riêng của thí sinh. Thí sinh phải trả lời cả hai phần của đề bài.</b></p> <p><b>Bắt đầu bài báo bằng câu sau:</b></p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;"> <p><b>Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của mỗi người.</b></p> </div> <p><b>Câu hỏi này có giá trị 25 điểm, như sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>15 điểm nội dung bài viết</b></li> <li>• <b>10 điểm cho ngôn ngữ.</b></li> </ul> <p>Use Table A, Reading to give 15 marks for Reading. Use Table B, Writing to give 10 marks for Writing.</p> <p>Candidates should draw their content from Texts B and C. The list below is indicative and is not exhaustive. Other relevant points from the texts may be included.</p> <p><b>Indicative content</b> Evaluation of the arguments requires candidates to draw inferences and make judgements. Evidence should be derived from the ideas and examples in both texts, developing claims and assessing their implications with clear and persuasive arguments.</p> <p>Possible content points are listed below. The list is not exhaustive and other relevant points may be accepted.</p>	25

Question	Answer	Marks
	<p>Marks are not based on the number of points given but how ideas are selected and developed from the texts.</p> <p><b>Khó khăn trong việc bảo vệ môi trường – mức độ cá nhân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• xung đột với nhu cầu nâng cao mức sống (nhà rộng hơn, ô tô mới, các thiết bị điện)</li> <li>• nhu cầu về các tiện ích sống thoải mái tiện nghi (điều hòa vào mùa hè, lò sưởi vào mùa đông)</li> <li>• khó khăn và không công bằng nếu người nghèo phải giảm thiểu hơn nữa mức tiêu thụ năng lượng vốn đã thấp</li> <li>• người thu nhập thấp phải cải thiện cuộc sống</li> <li>• cá nhân chỉ có thể có lựa chọn hạn chế (không dùng túi nilon, ống hút nhựa, vặn vòi nước nhỏ lại, v.v.)</li> <li>• người bán hàng lẻ không muốn tăng giá thành do phải dùng các cách đóng gói để phân hủy</li> </ul> <p><b>Khó khăn trong việc bảo vệ môi trường – mức độ cộng đồng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• các nền kinh tế cần phải tăng trưởng (từ đó mức tiêu thụ năng lượng tăng)</li> <li>• cuộc sống cần phải được cải thiện ở mức độ phải chăng cho người thu nhập thấp</li> <li>• đảm bảo công bằng cho người thu nhập thấp duy trì thu nhập (họ không thể ngừng sử dụng xăng dầu để mưu sinh)</li> <li>• mọi người không quan tâm đến nguồn gốc và loại năng lượng (gió, mặt trời, than) nên khó có thể đưa ra quyết định đầy đủ ý thức</li> <li>• rác thải nhựa mất rất nhiều thời gian để phân hủy</li> <li>• rác thải nhựa khi đốt rất nguy hại cho môi trường</li> <li>• rác thải nhựa chứa rất nhiều độc tố (thủy ngân, chlorine) gây ung thư</li> </ul> <p><b>Giải pháp bảo vệ môi trường tối ưu – mức độ cá nhân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• lựa chọn sống gần nơi làm việc để đi bộ và tránh phát thải</li> <li>• lựa chọn nhà nhỏ hơn giảm gánh nặng năng lượng đối với môi trường</li> <li>• mua ít thiết bị điện hơn để tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường</li> <li>• nên mua và sử dụng túi rác phân hủy sinh học</li> <li>• người bán hàng lẻ có thể đưa ra các lựa chọn thân thiện với môi trường (dùng túi phân hủy sinh học, ống hút sậy)</li> <li>• các cá nhân có thể chia sẻ và lan tỏa các sản phẩm thân thiện môi trường (cho/tặng nhau túi phân hủy sinh học)</li> <li>• ngư dân có thể mua và sử dụng lưới đánh cá sinh học</li> <li>• người dân ủng hộ và thực hiện các chính sách và quy định của chính phủ về bảo vệ môi trường</li> </ul> <p><b>Giải pháp bảo vệ môi trường tối ưu – mức độ cộng đồng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• hỗ trợ/trợ giá việc sản xuất túi phân hủy sinh học</li> <li>• chia sẻ các sản phẩm thân thiện môi trường với cộng đồng và bạn bè (hộp đựng, túi sinh học)</li> <li>• tăng giá các sản phẩm đóng gói có hại cho môi trường</li> <li>• ngành đánh bắt thủy hải sản có thể sử dụng lưới đánh cá sinh học</li> <li>• người tiêu dùng sẵn sàng chi thêm tiền vì lợi ích của môi trường</li> <li>• vai trò của chính phủ trong việc ra các luật và chính sách về môi trường</li> <li>• thực thi các chính sách và quy định về môi trường và yêu cầu người dân phải tuân thủ</li> <li>• sử dụng các chất liệu tự nhiên/ sinh học để đóng gói và tiêu thụ (ống hút sậy, dây buộc rơm/cỏ, bột ngô)</li> </ul>	

**Marking criteria for Question 3****Table A, Reading**

Use the following table to give a mark out of 15 for Reading.

<b>Level</b>	<b>Mark</b>	<b>Descriptor</b>
<b>5</b>	<b>13–15</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>The candidate selects a wide range of facts, ideas and opinions from both texts. (R3)</li> <li>The candidate develops, evaluates and analyses the chosen content in a way that clearly fulfils all elements of the task. (R5)</li> </ul>
<b>4</b>	<b>10–12</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>The candidate selects relevant facts, ideas and opinions from both texts. (R3)</li> <li>There is some development, analysis and evaluation and a clear focus on all elements of the task. (R5)</li> </ul>
<b>3</b>	<b>7–9</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>The candidate identifies enough relevant facts, ideas and opinions from both texts to fulfil the task. (R3)</li> <li>Development, analysis and evaluation is limited. Parts of the response may not be focused on the task. Most of the task has been attempted though there may be some minor omissions. (R5)</li> </ul>
<b>2</b>	<b>4–6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>The candidate identifies some relevant points from one or both texts but they are not always relevant. (R3)</li> <li>The response shows very limited development of ideas. Significant aspects of the task may not have been approached. (R5)</li> </ul>
<b>1</b>	<b>1–3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>The candidate identifies very few relevant points from either text. (R3)</li> <li>The response lacks development of ideas and shows very limited evidence of focus on the task. No awareness of analysis or evaluation. (R5)</li> </ul>
<b>0</b>	<b>0</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>No creditable content</li> </ul>



**Table B, Writing**

Use the following table to give a mark out of 10 for Writing.

<b>Level</b>	<b>Mark</b>	<b>Descriptor</b>
<b>5</b>	<b>9–10</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• The response is highly effective and convincing. (W1)</li> <li>• Well organised and carefully structured for the benefit of the reader. (W2)</li> <li>• Vocabulary consistently well chosen and precise. (W3)</li> <li>• Consistently appropriate register for audience and purpose. (W4)</li> <li>• Spelling, punctuation and grammar almost always accurate. (W5)</li> </ul>
<b>4</b>	<b>7–8</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• The response is effective and convincing. (W1)</li> <li>• Secure overall structure with some helpful organisation of ideas and information. (W2)</li> <li>• Vocabulary is mostly well chosen, with some precision. (W3)</li> <li>• Mostly appropriate register for audience and purpose. (W4)</li> <li>• Spelling, punctuation and grammar generally accurate. (W5)</li> </ul>
<b>3</b>	<b>5–6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• The response can be understood, although it is not always convincing. (W1)</li> <li>• Ideas are generally well sequenced. (W2)</li> <li>• Vocabulary may be plain but is adequate. (W3)</li> <li>• Some awareness of an appropriate register for audience and purpose. (W4)</li> <li>• Frequent errors of spelling, punctuation and grammar, which are minor and do not prevent communication. (W5)</li> </ul>
<b>2</b>	<b>3–4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• The response is sometimes unclear and/or generally unconvincing. (W1)</li> <li>• Sequence of ideas is sometimes confusing. (W2)</li> <li>• Vocabulary simple, not always appropriate. (W3)</li> <li>• Little awareness of appropriate register. (W4)</li> <li>• Frequent errors of spelling, punctuation and grammar hinder communication. (W5)</li> </ul>
<b>1</b>	<b>1–2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• The response is difficult to understand and lacks coherence. (W1)</li> <li>• Little or no evidence of attempt to sequence ideas. (W2)</li> <li>• Vocabulary limited and/or inappropriate. (W3)</li> <li>• No awareness of appropriate register. (W4)</li> <li>• Persistent errors of spelling, punctuation and grammar prevent communication. (W5)</li> </ul>
<b>0</b>	<b>0</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• No creditable content.</li> </ul>

**BLANK PAGE**